**UBND HUYỆN VĂN LÂM**

**PHÒNG GD&ĐT VĂN LÂM**

**Nhóm GV THCS Đại Đồng + THCS Lương Tài**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một hiện tượng trong đời sống xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống .  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: ẩn dụ, so sánh, liệt kê, nói quá, nói giảm nói tránh...;  **Vận dụng:**  **-** Thể hiện được thái độ của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản.  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận diện yêu cầu của đề (Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống)  **Thông hiểu:** Hiểu cách xây dựng bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống (Cần có ý kiến, bằng chứng, lí lẽ)  **Vận dụng:** Vận dụng kiến thức về xã hội để đưa bằng chứng thuyết phục vào văn bản.  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống | 1\*TL | 1\* TL | 1\* TL | 1\* TL |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

[...]

Bản thân bạn – con người độc đáo nhất trên thế gian này. Bạn biết chăng, thế gian này có điều kì diệu, đó là không ai có thể là bản sao 100% của ai cả. Bởi thế, bạn là độc nhất, tôi cũng là độc nhất. Chúng ta đều là những con người độc nhất vô nhị, dù ta đẹp hay xấu, tài năng hay vô dụng, cao hay thấp, mập hay ốm, có năng khiếu ca nhạc hay chỉ biết gào như vịt đực, ...

Vấn đề không phải là vịt hay thiên nga. Vịt có giá trị của vịt, thiên nga có giá trị của thiên nga. Vấn đề không phải là hơn hay kém, mà là sự riêng biệt. Và bạn phải trân trọng chính bản thân mình. Người khác có thể đóng góp cho xã hội bằng tài kinh doanh hay năng khiếu nghệ thuật, thì bạn có thể đóng góp cho xã hội bằng lòng nhiệt thành và sự lương thiện.

Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.

(Trích *Nếu biết trăm năm là hữu hạn...*- Phạm Lữ Ân)

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là: (ko có trong yêu cầu cần đạt của chương trình)

A. Biểu cảm

B. Tự sự

C. Nghị luận

D. Thuyết minh

**Câu 2.** Theo em mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?

A. Ca ngợi những người có sự tự tin trong cuộc sống, có sự tự tin thì không còn ai bị coi thường.

B. Đưa ra quan điểm rằng mỗi người đều có giá trị riêng, cần nhận ra giá trị riêng của chính mình.

C. Giúp người đọc nhận ra sự tôn trọng là cần thiết trong cuộc sống. Tôn trọng để cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.

D. Đưa ra cách thức để hướng tới thành công của một người.

**Câu 3.** Em hiểu câu “Vịt có giá trị của vịt, thiên nga có giá trị của thiên nga” như thế nào?

A. Hai loài động vật trên có mối quan hệ họ hàng với nhau nên có giá trị như nhau.

B. Vịt xấu xí còn thiên nga xinh đẹp nên không thể so sánh với nhau.

C. Mỗi loài có giá trị riêng biệt và không thể so sánh với nhau.

D. Vịt và thiên nga đều là những cá thể có chung một giá trị.

**Câu 4.** Chỉ ra phép liên kết sử dụng trọng đoạn văn sau*: “Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon.”*

A. Phép nối

B. Phép lặp

C. Phép thế

D. Phép liên tưởng

Câu 5. Theo đoạn trích, nếu bạn không thể đóng góp cho xã hội bằng tài năng kinh doanh hay năng khiếu nghệ thuật thì bạn có thể đóng góp cho xã hội bằng cách nào?

A. Lòng nhiệt thành và sự lương thiện.

B. Sự cần cù và chăm chỉ

C. Làm từ thiện và công tác xã hội.

D. Lòng tôn trọng và sự tự tin

Câu 6. Theo đoạn trích, thế gian này có điều gì kì diệu?

A. Không ai là hoàn hảo cả.

B. Có người đẹp, người xấu.

C. Có người tài năng, có người vô dụng

D. Không ai có thể là bản sao 100% của ai cả.

**Câu 7.** Nêu tác dụng của dấu chấm lửng trong câu văn: “Chúng ta đều là những con người độc nhất vô nhị, dù ta đẹp hay xấu, tài năng hay vô dụng, cao hay thấp, mập hay ốm, có năng khiếu ca nhạc hay chỉ biết gào như vịt đực, ...”

A. Thể hiện chỗ lời nói bị bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng.

B. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

C. Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa được liệt kê hết

D. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.

**Câu 8.** Giải nghĩa cụm từ “độc nhất vô nhị”.

A. Tài giỏi, không ai sánh bằng

B. Thông minh, nhanh nhẹn

C. Chăm chỉ, cần cù.

D. Duy nhất, chỉ có một không có hai.

**Câu 9.** Qua đoạn trích em rút ra những thông điệp gì?

**Câu 10.** Chia sẻ cho mọi người biết giá trị riêng (thế mạnh riêng) của bạn. (Trả lời trong vòng 3-5 câu)

**PHẦN II: VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được thông điệp của văn bản, có thể theo một số gợi ý sau:  + Mỗi người đều có giá trị riêng, cần nhận ra giá trị riêng của chính mình.  + Nhận được ra giá trị của bản thân giúp chúng ta tự tin hơn trong cuộc sống.  + Cần biết tôn trọng giá trị của bản thân cũng như giá trị của người khác.  … | 1,0 |
|  | **10** | - HS nêu được 2-3 giá trị (thế mạnh) của bản thân. | 1,0 |
| **II**  **-** |  | **VIẾT** | 4.0 |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: viết bài văn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm | 0.25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: | 2.5 |
|  | - Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận  - Triển khai các vấn đề nghị luận  - Thực trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp, bài học…  - Khẳng định lại ý kiến, nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |